

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 01 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.
2. Ông Phan Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị K, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Võ Trường S, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp B, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị K và anh Võ Trường S kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 26/10/2015. Hôn nhân giữa chị K và anh S được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó tìm hiểu khoảng 5 tháng và kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, khiến cho đời sống chung của vợ

chồng nhiều căng thẳng. Ngoài ra, anh S thường xuyên ăn chơi, không chăm lo đời sống gia đình, không chăm lo cho vợ con, thường xuyên đánh chị K.

Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 8/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay, chị Huỳnh Thị K yêu cầu ly hôn với anh Võ Trường S.

Về con chung: Chị K và anh S có một con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2016. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị K. Chị K yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Trường S trình bày:

Anh S thống nhất, anh S và chị K kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/10/2015. Hôn nhân giữa chị K và anh S được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó tìm hiểu và kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm, sau đó anh S phát bệnh thần kinh tọa nên vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 8/2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân thì anh S có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị K không đồng ý.

Anh S thừa nhận có ăn chơi nhưng chỉ ăn chơi vào dịp tết. Anh S có bán xe, điện thoại nhưng là tài sản riêng của anh S nên anh S bán. Hiện nay, anh S còn thương vợ, con và có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị K không đồng ý.

Vì vậy, anh Võ Trường S đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị K.

Về con chung: Anh S thống nhất, chị K và anh S có một con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2016. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị K. Anh S yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao chứng thực).
- Trích lục khai sinh của Võ Thị Ngọc T (Bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là

“*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Võ Trường S cư trú tại Số ***, ấp B, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị K và anh Võ Trường S thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, chị K và anh S kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/10/2015, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Ngoài ra, anh S thường xuyên ăn chơi, không chăm lo đời sống gia đình, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8 năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, hiện nay chị K và anh S không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị K và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc thuận tình ly hôn giữa chị K và anh S không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh S có một con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2016.

Xét thấy, chị K và anh S đều xác định, hiện nay chị K đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2016. Hiện nay, chị K có tạo điều kiện cho cháu T theo học tại Trường mẫu giáo Tân Thạnh, có xác nhận của nhà trường ngày 25/01/2021. Ngoài ra, chị K có việc làm ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu T phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu T cho chị K nuôi dưỡng. Vì vậy, chị K yêu cầu nuôi con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2016 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh S đều xác định là không

có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét yêu cầu của anh S: *Về hôn nhân*: Anh Võ Trường S đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị K; *về con chung*: Anh S yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cũng như phân phân tích nêu trên, yêu cầu của anh S là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị K.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị K và anh Võ Trường S.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2016 cho chị Huỳnh Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị K không yêu cầu.

Chị K và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2019/0006996 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị K đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên